

Bản án số: 30/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 04/7/2024

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- *Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Chi.
- Ông Nguyễn Trọng Bộ.

- *Thư ký phiên tòa:* ông Vũ Quang Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2024/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20A/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1987.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1987.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn P, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị và anh Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05/4/2019 tại UBND xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 3 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính cách không hợp nhau, không thống nhất được

cách làm kinh tế xây dựng gia đình, dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Chị đã chuyển về nhà bố, mẹ đẻ sinh sống từ năm 2023, vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: chị và anh Đ không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: chị và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện thôn P, xã B xác định: chị Đ và anh Đ chung sống hòa thuận được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh Đại mãi chơi, không chịu khó làm kinh tế, dẫn đến nợ nần và chị Đ phải nhiều lần trả nợ thay. Việc này khiến chị Đ chán nản và bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ năm 2023. Anh Đ đi làm kinh tế xa nhà, thỉnh thoảng mới về. Anh Đ và chị Đ không có con chung mà anh Đ có 1 người con riêng với vợ trước, bố mẹ anh Đ cũng đều đã mất, anh Đ không có anh, chị, em ruột nào.

- Bà Nguyễn Thị T là bác dâu của anh Đ xác định: bố, mẹ của anh Đ đều đã mất, anh Đ không có anh, chị, em ruột nào. Bà có nghe nói anh Đ đi làm kinh tế xa nhà nhưng không rõ địa chỉ cụ thể ở đâu, thỉnh thoảng anh Đ có về nhà thăm con hoặc có gọi điện cho bà để hỏi thăm tình hình của con. Anh Đ có 1 người con riêng với vợ cũ, nhưng do đang trong thời gian nghỉ hè nên cháu không có mặt ở nhà.

- Tại Công văn số 1377/QLXNC của Phòng Q – Công an tỉnh H cung cấp: quan tra cứu trên Phân hệ quản lý xuất nhập cảnh tại Công an tỉnh H lúc 16 giờ ngày 24/6/2024, không có thông tin xuất nhập cảnh đối với trường hợp Nguyễn Văn Đ.

Tại phiên tòa, các đương sự đều không có mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **D**, cho chị **D** được ly hôn với anh **Đ**.

- Về con chung: anh chị không có con chung nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị **D** không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Án phí: Chị **D** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị **Nguyễn Thị D** khởi kiện xin ly hôn đối với anh **Nguyễn Văn Đ** có địa chỉ thường trú tại **xã B, huyện K** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị **D** đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh **Đ** đã được triệu tập đến lần thứ hai vẫn vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: chị **Nguyễn Thị D** và anh **Nguyễn Văn Đ** kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 05/4/2019 tại **UBND xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương** trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi chung sống với nhau được khoảng 3 năm, giữa anh chị đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong sinh hoạt, cuộc sống hàng ngày và làm kinh tế xây dựng gia đình. Điều này dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hiện nay, chị **D** và anh **Đ** đang sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến cuộc sống của người kia. Như vậy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **D** là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: chị **D** và anh **Đ** không có con chung nên không đặt ra xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị **D** không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị **D** là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử chấp nhận yêu cầu của chị **Nguyễn Thị D**;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Nguyễn Thị D** được ly hôn anh **Nguyễn Văn Đ**.

2. Về con chung: chị **D** và anh **Đ** không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị D** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị **D** đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001988 ngày 24/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, chị **D** đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã Bình Dân, huyện Kim Thành (số 09/2019);
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hà